TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/**2019/KDTM-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Phan Thị Hà**

2. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Lan Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Bách Thiện Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 55/2015/TLST – KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2015 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2019/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2019/QĐST-HPT ngày 10 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2019/QĐST-HPT ngày 29/7/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 93/2019/QQĐST-TNPT ngày 21/8/2019 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Z (MSB)**. Địa chỉ: số 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Bửu Quang – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Thế Trung – Chuyên viên cao cấp – Phòng tố tụng và mua bán nợ theo Giấy ủy quyền số 3882/2019/UQ-TGDD12 ngày 14/8/2019. (anh Trung có mặt)

* Bị đơn: **Công ty C**, Địa chỉ: số 19, ngõ 103 Văn Cao, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: bà Phan Thị H – Giám đốc công ty. (có đơn giải quyết vắng mặt)

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1976. Hộ khẩu thường trú: số 120, tổ 9A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi ở: 79 Đê La Thành, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội (bà H có mặt).

Ông **Công Văn B,** sinh năm 1938; bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1945; ông **Công Văn T**; sinh năm 1968; bà **Trần Thị Nguyệt H**, sinh năm 1976; chị **Công Phương Q**, sinh năm 1994; cháu **Công Văn Hoàng H**, sinh năm 2001. Cùng Hộ khẩu thường trú và nơi ở: tổ 22, cụm 3 phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà V, chị H, chị Q, cháu H là anh Công Văn T theo biên bản xác nhận ủy quyền ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình (anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2013 của nguyên đơn, cũng như các bản khai người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/11/2011 Ngân hàng Z (sau đây gọi tắt là MSB) - chi nhánh Thanh Xuân và Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty H) ký Hợp đồng tín dụng số 018/2011/TDH- HĐTD: thời hạn vay 12 tháng; số tiền vay 10.000.000.000 đồng; thời hạn mỗi khế ước tối đa 05 tháng; lãi suất nhận nợ: theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh than các loại; kỳ hạn trả gốc: gốc trả trong kỳ hoặc cuối kỳ; lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, MSB đã giải ngân cho Công ty H số tiền 10.000.000.000 đồng theo các kế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ số 01/018/2011/TĐH-HĐTD ngày 08/12/2011 số tiền là 4.000.000.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 02/018/2011/TĐH-HĐTD ngày 30/12/2011 số tiền là 4.000.000.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 03/018/2011/TĐH-HĐTD ngày 16/01/2012 số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 04/018/2011/TĐH-HĐTD ngày 08/03/2012 số tiền là 500.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho toàn bộ khoản vay nêu trên là:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất ở tại tổ 22 cụm 3, phường P, quận T, Hà Nội theo giấy chứng nhân quyền sử dụng đất ở số 10103153292, hồ sơ gốc số 849/QĐ-UB do UBND quận T, Hà Nội cấp ngày 04/7/2003 cho ông Công Văn B và bà Nguyễn Thị V, đã đăng ký tặng cho ông Công Văn T ngày 13/5/2011 theo Hợp

đồng 00726.2011/CCHH/HĐTgC do văn Phòng công chứng Hồng Hà lập ngày 08/4/2011 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên và môi trường quận T; được thế chấp cho MSB theo hợp đồng thế chấp số 017005/2011, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 23/12/2011.

- Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất ở tại xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số U768534, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00380 QSDĐ/1741/QĐ-UBH do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 24/12/2001 đứng tên hộ gia đình bà Vương Thị Bủng, ngày 22/11/2011, Phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm xác nhận cho bà Nguyễn Xuân H nhận chuyển quyền sử dụng đất số 931.2011/HĐCN ngày 15/11/2011; được thế chấp cho MSB theo hợp đồng thế chấp số 016755/2011, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 29/11/2011.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Công ty H chỉ mới trả được gốc 2.250.000.000 đồng và lãi trong hạn 800.881.945 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty H trả nợ cho MSB tạm tính đến đến ngày 20/9/2019, nợ gốc: 7.750.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 12.794.979.166 đồng; lãi quá hạn 6.304.593.750 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 26.849.572.916 đồng (Hai mươi sáu tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăn mười sáu đồng).

Trong thời gian chưa trả nợ, Công ty H phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

Trong trường hợp Công ty H không trả được số nợ trên thì MSB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo sau:

Tài sản thứ nhất: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại tổ 22 cụm 3, phường P, quận T, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103153292, hồ sơ gốc số 849/QĐ-UB do UBND quận T, Hà Nội cấp ngày 04/7/2003 cho ông Công Văn B và bà Nguyễn Thị V, đã đăng ký tặng cho ông Công Văn T ngày 13/5/2011 theo Hợp đồng 00726.2011/CCHH/HĐTgC do văn Phòng công chứng Hồng Hà lập ngày 08/4/2011.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất ở tại xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số U768534, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00380 QSDĐ UBH do UBND huyện từ Liêm cấp ngày 24/12/2001 đứng tên Hộ gia đình bà Vương Thị Bủng, ngày 22/11/2001, Phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm xác nhận cho bà Nguyễn Xuân H nhận chuyển

nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 931.2011/HĐCN ngày 15/11/2011.

Theo bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/11/2017, ông Công Văn T - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 23/12/2011 ông Tú có ký hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 017005/2011 với MSB thế chấp tài sản đứng tên ông Công Văn T tại địa chỉ tổ 22 cụm 3 phường P, quận T, thành phố Hà Nội để đảm bảo khoản vay của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hương Hồng. Sau này ông Tú mới biết ngân hàng thông báo, tài sản do ông ký thế chấp được vay 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng). Toàn bộ số tiền này ông Tú và gia đình không được sử dụng. Ông Tú đề nghị Tòa án buộc Công ty H trả nợ ngân hàng để trả lại sổ đỏ cho gia đình ông, ngoài ra không có yêu cầu phản tố và không có yêu cầu độc lập.

Theo bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 24/6/2019, bà Nguyễn Xuân H – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Do cần tiền kinh doanh nên bà Nguyễn Xuân H và MSB đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 016755/2011 ngày 29/11/2011 là quyền sử dụng đất ở tại xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số U768534, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00380 QSDĐ UBH do UBND huyện từ Liêm cấp ngày 24/12/2001 đứng tên Hộ gia đình bà Vương Thị Bủng, ngày 22/11/2001, Phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm xác nhận cho bà Nguyễn Xuân H nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 931.2011/HĐCN ngày 15/11/2011 cho khoản vay 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng). Bà H trình bày thực tế bà chỉ sử dụng 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại 2.250.000.000 đồng thì Công ty H sử dụng. Sau 06 tháng kể từ ngày ngân hàng giải ngân, bà H đã trả nợ toàn bộ số tiền 2.250.000.000 đồng mà bà đã sử dụng vào tài khoản vay mà ngân hàng lập cho Công ty H. Số tiền còn lại, do Công ty H chưa có khả năng thanh toán nên bà H đã nhiều lần đề nghị được tất toán khoản vay này để lấy tài sản đứng tên mình ra nhưng Ngân hàng luôn viện lý do dẫn đến nợ quá hạn kéo dài, ngoài ra còn yêu cầu bà phải tất toán thêm khoản nợ liên quan đến tài sản khác trong khi chị không có liên quan. Nay Ngân hàng khởi kiện, bà H đề nghị được thanh toán nốt nợ gốc 2.250.000.000 đồng và một phần lãi để rút tài sản thuộc quyền sở hữu của bà H tại xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội do đây cũng là một phần lỗi của Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty H trả nợ cho MSB tạm tính đến đến ngày 20/9/2019, nợ

gốc: 7.750.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 12.794.979.166 đồng; lãi quá hạn 6.304.593.750 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 26.849.572.916 đồng (Hai mươi sáu tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăn mười sáu đồng).

Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Xuân H và ông Công Văn T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty H trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 26.849.572.916 đồng (Hai mươi sáu tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăn mười sáu đồng). Ngoài ra bà H, ông Tú không có yêu cầu gì thêm.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm*:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi nợ theo hợp đồng tín dụng và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc: 7.750.000.000 đồng và lãi theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bị đơn không trả được nợ, MSB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành phát mại tài sản bảo đảm của bên có tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 018/2011/TDH- HĐTD ngày 21/11/2011 giữa MSB với bị đơn có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước trách nhiệm về nội dung hợp đồng, tại thời điểm công chứng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội, các bên đều đã đọc và ký hợp đồng trước mặt công chứng viên, do vậy quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải chịu trách nhiệm. Điều này cũng đồng nghĩa với việc nếu bị đơn không trả được nợ thì MSB có quyền yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù MSB đã nhiều lần đôn đốc nhưng đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên MSB khởi kiện đến Tòa án. Việc MSB khởi kiện bị đơn là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: MSB không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn; bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 342, 343, 348, 355 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 11, 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Z.

2. Buộc Công ty C phải trả tổng nợ gốc cho Ngân hàng Z theo hợp đồng tín dụng số 018/2011/TDH- HĐTD ngày 21/11/2011 và các khế ước nhận nợ tính đến ngày 20/9/2019 là 7.750.000.000 đồng (Bảy tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc Công ty C phải trả tổng nợ gốc cho Ngân hàng Z theo hợp đồng tín dụng số 018/2011/TDH- HĐTD ngày 21/11/2011 và các khế ước nhận nợ tính trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận đến ngày 20/9/2019 là 19.099.572.916 đồng (Mười chín tỷ không trăm chín mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm mười sáu đồng) (trong đó: lãi trong hạn 12.794.979.166 đồng; lãi quá hạn 6.304.593.750 đồng)

Tổng số tiền Công ty H phải trả Ngân hàng Z tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là: 26.849.572.916 đồng (Hai mươi sáu tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăn mười sáu đồng).

3. Trong trường hợp Công ty C không trả được nợ thì Ngân hàng Z có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại tổ 22 cụm 3, phường P, quận T, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103153292, hồ sơ gốc số 849/QĐ-UB do UBND quận T, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/7/2003 cho ông Công Văn B và bà Nguyễn Thị V, đã đăng ký tặng cho ông Công Văn T ngày 13/5/2011 theo Hợp đồng 00726.2011/CCHH/HĐTgC do văn Phòng công chứng Hồng Hà lập ngày 08/4/2011.

- Quyền sử dụng đất ở tại xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, (phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm) thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số U768534, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00380 QSDĐ/1741/QĐ-UBH do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 24/12/2001 đứng tên hộ gia đình bà Vương Thị Bủng, ngày 22/11/2011 Phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm xác nhận cho bà Nguyễn Xuân H nhận chuyển quyền sử dụng đất số 931.2011/HĐCN ngày 15/11/2011.

4. Về án phí: Công ty C phải chịu 134.849.573 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng) án phí.

- Ngân hàng Z không phải chịu án phí, hoàn trả Ngân hàng Z số tiền tạm ứng án phí đã nộp 63.000.000 (***sáu mươi ba triệu***) đồng theo biên lai số 03102 ngày 24 tháng 10 năm 2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

5. Kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2019, Công ty C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả, cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

6. **Quyền kháng cáo**: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long